

KẾT LUẬN

Kết quả thanh tra chuyên ngành việc chấp hành pháp luật về công tác đăng ký, quản lý hộ tịch và công tác chứng thực hợp đồng, giao dịch tại UBND xã Ba Động, huyện Ba Tư, tỉnh Quảng Ngãi

Căn cứ Luật Thanh tra ngày 15/11/2010, Nghị định số 86/2011/NĐ-CP ngày 22/9/2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thanh tra, Nghị định số 54/2014/NĐ-CP ngày 29/5/2014 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Thanh tra Tư pháp;

Xét Báo cáo kết quả thanh tra số 13/BC-ĐTTr ngày 24/6/2020 của Đoàn Thanh tra theo Quyết định số 41/QĐ-STP ngày 22/5/2020 của Giám đốc Sở Tư pháp về việc chấp hành pháp luật trong công tác đăng ký, quản lý hộ tịch và công tác chứng thực hợp đồng, giao dịch tại UBND xã Ba Động và Phòng Tư pháp huyện Ba Tư,

Giám đốc Sở Tư pháp kết luận như sau:

I. KHÁI QUÁT VỀ ĐẶC ĐIỂM, TÌNH HÌNH ĐƠN VỊ:

Trong các năm qua, thực hiện nhiệm vụ được UBND xã giao, Tư pháp xã Ba Động chủ động ban hành kế hoạch triển khai Luật Hộ tịch, và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật hộ tịch cũng như công tác chứng thực. Lồng ghép việc phổ biến tuyên truyền trong Nhân dân dưới nhiều hình thức, từng bước đưa công tác hộ tịch và chứng thực tại địa phương đi vào nề nếp, đáp ứng nhu cầu của người dân.

UBND xã Ba Động bố trí 01 biên chế thực hiện nhiệm vụ tham mưu cho UBND xã về công tác tư pháp. Do đó cũng gặp những khó khăn nhất định trong việc giải quyết hồ sơ cho công dân. Tuy nhiên, được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo thường xuyên của lãnh đạo UBND xã, sự quyết tâm cao trong công việc của công chức Tư pháp Hộ tịch nên trong các năm qua xã Ba Động không có đơn thư khiếu nại tố cáo phản ánh nào liên quan đến công tác chứng thực hộ tịch.

II. NỘI DUNG KẾT QUẢ THANH TRA

II. KẾT QUẢ KIỂM TRA, XÁC MINH

1. Công tác đăng ký, quản lý hộ tịch:

1.1. Kết quả thực hiện:

Trong thời kỳ thanh tra, UBND xã Ba Động thực hiện đăng ký cho 1.224 trường hợp thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch, xác định lại dân tộc;

Cụ thể:

		Năm 2020	
--	--	-----------------	--

Sự kiện hộ tịch	Năm 2019	(Đến 31/5)	Ghi chú
Đăng ký khai sinh	45	12	57
Đăng ký kết hôn	30	03	33
Cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân	38	09	47
Đăng ký khai tử	16	04	20
Thay đổi cải chính hộ tịch	06	03	09
Đăng ký nhận cha, mẹ con	01	00	01
Cấp trích lục bản sao hộ tịch	806	251	1.057
Tổng cộng	942	282	1.224

1.2. Sai sót

- Chưa thực hiện việc đóng dấu giáp lai giữa các trang trong sổ (sổ xác nhận tình trạng hôn nhân, sổ đăng ký khai tử). Vi phạm quy định tại Khoản 2 Điều 19 Thông tư số 15/2015/TT-BTP ngày 16/11/2015 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính Phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch (gọi tắt là Thông tư 15 Bộ Tư pháp). *“Sổ hộ tịch phải được đóng dấu giáp lai từ trang đầu đến trang cuối cùng ngay từ khi mở sổ. Sổ được ghi liên tiếp theo thứ tự từng trang, không được bỏ trống”*.

- Sửa sai khi vào sổ bằng cách tẩy xóa ghi đè. (sổ cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân, Sổ đăng ký khai sinh). Tại sổ đăng ký 14/2019 của Sổ đăng ký khai sinh năm 2019, không thực hiện ghi chú việc sửa chữa vào Cột ghi chú theo quy định. Vi phạm Khoản 1, Điều 26 Thông tư số 15/2015/TT-BTP ngày 16/11/2015 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch *“Khi đăng ký hộ tịch, nếu có sai sót trong việc ghi nội dung vào Sổ hộ tịch, công chức làm công tác hộ tịch phải gạch bỏ phần sai sót, ghi sang bên cạnh hoặc lên phía trên, không được chữa đè lên chữ cũ, không được tẩy xóa và viết đè lên chỗ đã tẩy xóa. Trường hợp có sai sót bỏ trống trang sổ thì công chức làm công tác hộ tịch phải gạch chéo vào trang bỏ trống. Cột ghi chú của Sổ hộ tịch phải ghi rõ nội dung sửa chữa sai sót; ngày, tháng, năm sửa; công chức làm công tác hộ tịch ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên. Công chức làm công tác hộ tịch có trách nhiệm báo cáo Thủ trưởng cơ quan đăng ký hộ tịch biết về việc sửa chữa sai sót. Thủ trưởng cơ quan đăng ký hộ tịch có trách nhiệm kiểm tra, cho phép đóng dấu xác nhận vào nội dung sửa chữa sai sót. Công chức làm công tác hộ tịch không được tự ý tẩy xóa, sửa chữa, bổ sung làm sai lệch nội dung đã ghi trong Sổ hộ tịch”*.

- Cuối năm không thực hiện việc khóa sổ theo quy định. Vi phạm Khoản 2, 3 Điều 27 Thông tư số 15/2015/TT-BTP ngày 16/11/2015 quy định chi tiết thi

hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch “*Khi hết năm đăng ký, công chức làm công tác hộ tịch phải thống kê rõ số quyển Sổ hộ tịch đã sử dụng, tổng số sự kiện hộ tịch đã đăng ký trong năm, số trường hợp ghi sai sót phải sửa chữa theo quy định tại khoản 1 Điều 26 của Thông tư này và các trang bị bỏ trống (nếu có) trong từng sổ. Sau khi thống kê theo quy định tại khoản 2 Điều này, công chức làm công tác hộ tịch phải ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên; báo cáo Thủ trưởng cơ quan đăng ký hộ tịch ký xác nhận, ghi rõ họ, chữ đệm, tên, chức vụ và đóng dấu”.*

- Nhiều trường hợp, công chức tư pháp - hộ tịch ghi không đầy đủ thông tin ở các mục trong Sổ đăng ký hộ tịch Cụ thể: Trong Sổ đăng ký khai sinh năm 2019, tại số 16/2019 không ghi năm sinh người mẹ, không ghi năm sinh, dân tộc, quốc tịch người cha; số 41/2019, số 17/2020, không ghi năm sinh người cha; Trong Sổ đăng ký thay đổi, cải chính hộ tịch, tại số 02/2019, không ghi nơi cư trú của người được cải chính, nội dung bổ sung thông tin người cha chỉ ghi Họ và tên không ghi thông tin về năm sinh, dân tộc, quốc tịch, nơi cư trú của người cha; từ số 03 đến 06/2019, từ số 01 đến 03/2020, không ghi thông tin nơi cư trú của người được thay đổi, cải chính hộ tịch. Vi phạm quy định tại Khoản 5 Điều 19 Thông tư 15 Bộ Tư pháp: “*Các cột, mục trong Sổ hộ tịch, giấy tờ hộ tịch phải được ghi đầy đủ, chính xác theo đúng hướng dẫn trong Sổ hộ tịch và Thông tư này”.*

1.2.1. Đăng ký kết hôn:

Số đăng ký 30/2019, ngày 30/12/2020, công chức tư pháp - hộ tịch không ghi ngày tháng năm xác lập quan hệ hôn nhân trong Sổ đăng ký kết hôn. Vi phạm quy định tại Khoản 5 Điều 19 Thông tư 15 Bộ Tư pháp: “*Các cột, mục trong Sổ hộ tịch, giấy tờ hộ tịch phải được ghi đầy đủ, chính xác theo đúng hướng dẫn trong Sổ hộ tịch và Thông tư này”.*

1.2.2. Đăng ký khai sinh:

- Hồ sơ số 11/2020, đăng ký lại khai sinh cho người đang công tác tại UBND xã Ba Động, hồ sơ lưu không có xác nhận của Lãnh đạo Ủy ban. Trường hợp này, vi phạm thủ tục quy định tại điểm c Khoản 1 Điều 26 Nghị định số 123/2015/NĐ-CP: “*Trường hợp người yêu cầu đăng ký lại khai sinh là cán bộ, công chức, viên chức, người đang công tác trong lực lượng vũ trang phải có văn bản xác nhận của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị về việc những nội dung khai sinh của người đó gồm họ, chữ đệm, tên; giới tính; ngày, tháng, năm sinh; dân tộc; quốc tịch; quê quán; quan hệ cha - con, mẹ - con phù hợp với hồ sơ do cơ quan, đơn vị đang quản lý”.*

- Sổ đăng ký 17/2019, không có chữ ký của người đi khai sinh, vi phạm thủ tục quy định tại khoản 2 Điều 16 của Luật Hộ tịch “*Ngay sau khi nhận đủ giấy tờ theo quy định, nếu thấy thông tin khai sinh đầy đủ và phù hợp, công chức tư pháp - hộ tịch ghi nội dung khai sinh vào Sổ hộ tịch. Công chức tư pháp - hộ tịch và người đi đăng ký khai sinh cùng ký tên vào Sổ hộ tịch”.*

- Hồ sơ số 13/2019, người đi đăng ký khai sinh không xuất trình giấy tờ tùy thân, UBND xã đăng ký khai sinh cho trường hợp này đã vi phạm thủ tục quy định tại Khoản 1 Điều 2 Nghị định số 123/2015/NĐ-CP: “*Người yêu cầu đăng ký hộ tịch, cấp bản sao trích lục hộ tịch xuất trình bản chính một trong các giấy tờ là hộ chiếu, chứng minh nhân dân, thẻ căn cước công dân hoặc giấy tờ khác có dán ảnh và thông tin cá nhân do cơ quan có thẩm quyền cấp, còn giá trị sử dụng (sau đây gọi là giấy tờ tùy thân) để chứng minh về nhân thân*”.

- Số đăng ký 65/2019 Ngày **26/11/2019**, UBND xã đăng ký việc nhận cha con, nhưng ngày **25/11/2019**, UBND xã đã đăng ký khai sinh có đầy đủ thông tin cha mẹ trong Giấy khai sinh và Sổ đăng ký khai sinh. Như vậy, ở trường hợp này, tại thời điểm UBND xã thực hiện việc đăng ký khai sinh thông tin về người cha chưa xác định được, đã vi phạm quy định khoản 2. Điều 15 Nghị định 123/2015/NĐ-CP: “*Trường hợp chưa xác định được cha thì khi đăng ký khai sinh họ, dân tộc, quê quán, quốc tịch của con được xác định theo họ, dân tộc, quê quán, quốc tịch của mẹ; phần ghi về cha trong Sổ hộ tịch và Giấy khai sinh của trẻ để trống*”.

1.2.3. Thay đổi, cải chính hộ tịch:

- Hồ sơ cải chính quê quán của con theo quê quán của người cha trong Giấy khai sinh của con ở hồ sơ số 04, 05/2020, không có giấy tờ thể hiện quê quán của người cha. Như vậy, UBND xã vi phạm thủ tục quy định tại Khoản 1 Điều 28 Luật Hộ tịch: “*Người yêu cầu đăng ký thay đổi, cải chính hộ tịch nộp tờ khai theo mẫu quy định và giấy tờ liên quan cho cơ quan đăng ký hộ tịch*”.

- Hồ sơ số 04, 05, 06/2019, UBND xã đăng ký cải chính quê quán nhưng không có thỏa thuận của cha mẹ. Vi phạm quy định tại Khoản 8 Điều 4 Luật Hộ tịch: “*Quê quán của cá nhân được xác định theo quê quán của cha hoặc mẹ theo thỏa thuận của cha, mẹ hoặc theo tập quán được ghi trong tờ khai khi đăng ký khai sinh*”.

2. Công tác Chứng thực:

2.1. Kết quả thực hiện:

- Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/5/2020, UBND xã Ba Động đã thực hiện 124 trường hợp. Cụ thể:

LOẠI HỢP ĐỒNG, GIAO DỊCH	Năm 2019	Năm 2020 (đến 31/5)	Ghi chú
Chuyển nhượng	22	03	25
Tặng cho	17	15	32
Thế chấp	25	11	36
Phân chia di sản thừa kế	08	06	14
Văn bản nhận di sản thừa kế	02	00	02
Văn bản từ chối di sản thừa kế	03	00	03

Di chúc	01	00	01
Hợp đồng ủy quyền, hợp đồng thuê đất, Cung cấp dịch vụ khác	10	01	11
Tổng cộng	88	36	124

2.2. Ưu điểm:

- Đã thực hiện việc thông báo mẫu chữ ký của người có thẩm quyền chứng thực hợp đồng, giao dịch của UBND xã cho Sở Tư pháp theo quy định của Điều e Khoản 3 Điều 43 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng giao dịch (gọi tắt là Nghị định số 23/2015/NĐ-CP).

- Thực hiện đúng mẫu Sổ được quy định tại Nghị định số 23/2015/NĐ-CP.

- Việc thu phí chứng thực đảm bảo phù hợp với quy định của Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí chứng thực.

2.3. Tồn tại, sai sót:

- UBND xã chưa ban hành văn bản quy định cụ thể mức thu của việc in, chụp, đánh máy giấy tờ, văn bản tại UBND xã khi thực hiện chứng thực hồ sơ, giấy tờ cho công dân theo quy định của Điều 1 Quyết định số 02/2016/QĐ-UBND ngày 20/01/2016 của UBND tỉnh Quảng Ngãi quy định mức trần chi phí in, chụp, đánh máy giấy tờ, văn bản tại các cơ quan thực hiện chứng thực trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

2.3.1. Sổ sách:

- Sửa chữa những sai sót khi cập nhật sổ còn tẩy xóa ghi đè (sổ năm 2019, 2020)

- Không đóng dấu giáp lai giữa các trang trong sổ, không đánh số trang; cuối năm không thực hiện việc khóa sổ (sổ chứng thực hợp đồng giao dịch, sổ theo dõi chứng thực chữ ký/ chứng thực điểm chỉ năm 2019, 2020), vi phạm Khoản 1, Điều 13 Nghị định số 23/NĐ-CP “*Sổ chứng thực dùng để theo dõi, quản lý các việc đã chứng thực tại cơ quan, tổ chức thực hiện chứng thực. Sổ chứng thực được viết liên tiếp theo thứ tự từng trang không được bỏ trống, phải đóng dấu giáp lai từ trang đầu đến trang cuối sổ và thực hiện theo từng năm. Khi hết năm phải thực hiện khóa sổ và thống kê tổng số việc chứng thực đã thực hiện trong năm; người ký chứng thực xác nhận, ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu*”.

2.3.2. Hồ sơ lưu:

Năm 2020 (từ số 01 đến số 36), thiếu hồ sơ số 01, 05 vi phạm Khoản 3, Điều 14 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP “*Đối với việc chứng thực hợp đồng, giao dịch, cơ quan thực hiện chứng thực phải lưu một bản chính hợp đồng, giao dịch kèm theo hồ sơ; thời hạn lưu trữ là 20 (hai mươi) năm*”.

- Hầu hết lời chứng chứng thực hợp đồng, giao dịch của UBND xã Ba Động đều không xác định “*trang lời chứng*” là bộ phận của hợp đồng, giao dịch

được chứng thực nên dẫn đến việc chứng thực số tờ số trang của hợp đồng, giao dịch không chính xác, như HĐ thế chấp số 35 quyền số 01/2020-SCT/HĐ,GD ngày 13/5/2020 gồm 06 tờ 10 trang thể hiện trên lời chứng 04 tờ, 08 trang); hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 87 và 88/2019 cùng ngày 23/12/2019 gồm 04 tờ 04 trang nhưng lời chứng ghi hợp đồng gồm 03 tờ 03 trang; hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất số 86/2019 ngày 13/12/2019 gồm 04 tờ 04 trang nhưng lời chứng ghi hợp đồng gồm 03 tờ 03 trang; hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 84/2019 ngày 09/12/2019 gồm 05 tờ 09 trang nhưng lời chứng ghi hợp đồng gồm 04 tờ 08 trang... Vi phạm quy định Khoản 8 Điều 2 “*Văn bản chứng thực là giấy tờ, văn bản, hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực theo quy định của Nghị định này; Khoản 1 Điều 12 “Lời chứng là nội dung bắt buộc của Văn bản chứng thực”;* và Khoản 4 Điều 36 của Nghị định số 23/2015/NĐ-CP “... số lượng trang và lời chứng được ghi tại trang cuối của hợp đồng, giao dịch...”.

- Lời chứng thiếu chữ ký của người thực hiện việc chứng thực (hợp đồng số 35 quyền số 01/2020-SCT/HĐ,GD ngày 13/5/2020; thiếu con dấu của UBND xã hợp đồng số 36, quyền số 01/2020-SCT/HĐ,GD ngày 13/5/2020, hợp đồng số 86 quyền số 01/2020-SCT/HĐ,GD, hợp đồng số 26/2019 quyền số 01/2017-SCT/HĐ,GD).

- Nhiều trường hợp hồ sơ lưu không lưu hoặc lưu thiếu giấy CMND của một trong các bên tham gia hợp đồng, giao dịch như: hồ sơ số 33, 34 quyền số 01/2020-SCT/HĐ,GD; hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 84/2019 ngày 09/12/2019; hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 78/2019 ngày 13/11/2019; hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 81/2019 ngày 20/11/2019... cá biệt Hồ sơ số 06 quyền số 01/2020-SCT/HĐ,GD sử dụng CMND cấp ngày 05/11/1979 cho bà Bùi Thị Trí sinh năm 1937. tại thời điểm thực hiện chứng thực hợp đồng giao dịch sử dụng CMND được cấp từ 40 năm về trước để nhận dạng người tham gia giao dịch đã hơn 80 tuổi là hoàn toàn không phù hợp. Bởi, Theo quy định của Khoản 3 Điều 14 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP thì “*Đối với việc chứng thực hợp đồng, giao dịch, cơ quan thực hiện chứng thực phải lưu một bản chính hợp đồng, giao dịch kèm theo hồ sơ; thời hạn lưu trữ là 20 (hai mươi) năm*” và hồ sơ đề nghị chứng thực hợp đồng, giao dịch được quy định tại Khoản 1 Điều 36 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP như sau “*Người yêu cầu chứng thực nộp 01 (một) bộ hồ sơ yêu cầu chứng thực, gồm các giấy tờ sau đây: Dự thảo hợp đồng, giao dịch; Bản sao Giấy chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu còn giá trị sử dụng của người yêu cầu chứng thực; Bản sao giấy chứng nhận quyền sở hữu, quyền sử dụng hoặc bản sao giấy tờ thay thế được pháp luật quy định đối với tài sản mà pháp luật quy định phải đăng ký quyền sở hữu, quyền sử dụng trong trường hợp hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản đó; trừ trường hợp người lập di chúc đang bị cái chết đe dọa đến tính mạng*”.

- Văn bản thỏa thuận phân chia tài sản thừa kế số 41/2019 ngày 27/5/2019, số 44/2019 ngày 09/7/2019, số 15 quyền số 01/2020SCT/HĐ-GD ngày 03/3/2020 đều không thể hiện đầy đủ thông tin liên quan đến hàng thừa kế thứ nhất của người chết (cha, mẹ) mà chỉ mới thể hiện thông tin liên quan đến vợ, con của người chết nhưng vẫn được UBND xã chứng thực với nội dung “*Các ông/bà có*

*tên trên đã cam đoan không bỏ sót người thừa kế... ”. Ngoài ra, nội dung văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế số 40/2019 không thể hiện mối quan hệ giữa người để lại tài sản thừa kế và người được hưởng di sản thừa kế theo pháp luật nhưng vẫn được UBND xã Ba Động chứng thực là cũng chưa đảm bảo chính xác theo quy định của Điều 649 Bộ luật Dân sự 2015 “*Thừa kế theo pháp luật là thừa kế theo hàng thừa kế*” và theo Khoản 1 Điều 651 Bộ luật Dân sự 2015 thì “*Hàng thừa kế thứ nhất gồm: vợ, chồng, cha đẻ, mẹ đẻ, cha nuôi, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi của người chết*”.*

- Hồ sơ số 31 quyền số 01/2020-SCT/HĐ,GD sử dụng bản sao Trích lục khai tử không có chữ ký và con dấu UBND xã.

- Hồ sơ số 18 quyền số 01/2020-SCT/HĐ,GD chỉ lưu văn bản phân chia di sản thừa kế ngoài ra không có bất cứ loại tài liệu gì vi phạm Khoản 1 Điều 36 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP như sau “*Người yêu cầu chứng thực nộp 01 (một) bộ hồ sơ yêu cầu chứng thực, gồm các giấy tờ sau đây: Dự thảo hợp đồng, giao dịch; Bản sao Giấy chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu còn giá trị sử dụng của người yêu cầu chứng thực; Bản sao giấy chứng nhận quyền sở hữu, quyền sử dụng hoặc bản sao giấy tờ thay thế được pháp luật quy định đối với tài sản mà pháp luật quy định phải đăng ký quyền sở hữu, quyền sử dụng trong trường hợp hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản đó; trừ trường hợp người lập di chúc đang bị cái chết đe dọa đến tính mạng*”.

- Hồ sơ thừa kế số 15 quyền số 01/2020-SCT/HĐ,GD bỏ trống thông tin thời điểm lập thỏa thuận về việc phân chia tài sản thừa kế; Hàng thừa kế ghi chèn vào lề phải của Văn bản; Dấu điểm chỉ là một khối màu đen không thể nhận dạng.

- Toàn bộ Hợp đồng thế chấp bỏ trống thông tin về ngày giao kết hợp đồng được chứng thực.

- Một số trường hợp các bên tham gia hợp đồng, giao dịch hoặc người có thẩm quyền chứng thực chưa ký hoặc ký không đầy đủ vào từng trang của hợp đồng, giao dịch như: hợp đồng số 26/2019 quyền số 01/2017-SCT/HĐ,GD bên nhận chuyển nhượng không ký vào từng trang của hợp đồng; hợp đồng số 06/2019 quyền số 01/2017-SCT/HĐ,GD các bên tham gia giao dịch không ký vào từng trang của hợp đồng...Vi phạm Khoản 4 Điều 36 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP “*...Đối với hợp đồng, giao dịch có từ 02 (hai) trang trở lên, thì từng trang phải được đánh số thứ tự, có chữ ký của người yêu cầu chứng thực và người thực hiện chứng thực... ”.*

- Hợp đồng số 02 quyền số 01/2020-SCT/HĐ,GD thiếu chữ ký từng trang, thông tin về các bên giao dịch ở điều khoản quyền sở hữu đối với tài sản giao dịch và việc nộp thuế phí.

- Nhiều trường hợp lời chứng hợp đồng, giao dịch năm 2019 chưa đúng với mẫu lời chứng được quy định tại Điểm a Khoản 4 Mục I của Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ghi thừa nội dung: “*nội dung thỏa thuận của các bên trong hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội*”);

- Nhiều trường hợp chứng thực có ngày chứng thực ghi bằng số khác với ngày chứng thực ghi bằng chữ như: hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất số 82/2019 có ngày chứng thực ghi bằng số là 20/11/2019 nhưng ngày chứng thực ghi bằng chữ lại là ngày 13/11/2019; hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất số 54/2019 có ngày chứng thực ghi bằng số là 21/8/2019 nhưng ngày chứng thực ghi bằng chữ lại là ngày 21/7/2019; hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất số 51/2019 có ngày chứng thực ghi bằng số là 25/7/2019 nhưng ngày chứng thực ghi bằng chữ lại là ngày 22/7/2019; hợp đồng số 34/2019 có ngày chứng thực ghi bằng số là ngày 03/6/2019 nhưng ngày chứng thực ghi bằng chữ lại là ngày 18/4/2019; hồ sơ chứng thực di chúc số 83/2019 có ngày chứng thực ghi bằng số là ngày 04/12/2019 nhưng ngày chứng thực ghi bằng chữ lại là ngày 05/12/2019; hợp đồng số 83 quyền số 01/2017-SCT/HĐ,GD có ngày chứng thực ghi bằng số là 04/12 nhưng ngày chứng thực ghi bằng chữ lại là ngày 05/12; Tương tự các hợp đồng số 82, 54, 51, 64, 57, 63, 64, 70, 34 năm 2019 ngày chứng thực bằng chữ và bằng số tại trang lời chứng là không giống nhau.

- Theo quy định của Khoản 2 Điều 5 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP thì UBND cấp xã có thẩm quyền chứng thực: Chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản; Chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến thực hiện các quyền của người sử dụng đất theo quy định của Luật Đất đai; Chứng thực hợp đồng, giao dịch về nhà ở theo quy định của Luật Nhà ở; Chứng thực di chúc; Chứng thực văn bản từ chối nhận di sản; Chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản, văn bản khai nhận di sản mà di sản là tài sản thuộc thẩm quyền chứng thực của UBND cấp xã (động sản, bất động sản, nhà ở). Điều này có nghĩa là UBND cấp xã nơi có nhà ở chỉ có thẩm quyền chứng thực hợp đồng, giao dịch về tài sản gắn liền với đất là nhà ở. Đối với việc mua bán các tài sản gắn liền với đất khác, UBND cấp xã không có thẩm quyền chứng thực hợp đồng, giao dịch.

Tuy nhiên, theo thông tin thể hiện trên hợp đồng số 10/2019, 11/2019, 88/2019 thì tài sản giao dịch là cây keo đang trồng trên đất. Cây keo đang trồng trên đất theo quy định của Luật Đất đai 2013 được xác định là tài sản gắn liền với đất. Cụ thể: Khoản 1 Điều 104 Luật Đất đai 2013 **“Tài sản gắn liền với đất được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất bao gồm nhà ở, công trình xây dựng khác, rừng sản xuất là rừng trồng và cây lâu năm có tại thời điểm cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất”**.

Như vậy, giao dịch chuyển nhượng cây keo trên đất được xác định là giao dịch tài sản gắn liền với đất. Do đó, việc UBND xã Ba Động chứng thực đối với các hợp đồng mua bán cây keo (tài sản gắn liền với đất) là không phù hợp về thẩm quyền theo quy định của Nghị định số Khoản 2 Điều 5 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP.

- Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 06/2019 quyền số 01/2017-SCT/HĐ,GD được UBND xã Ba Động chứng thực sai thẩm quyền. Vì theo quy định của Điểm d Khoản 2 Điều 5 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP thì UBND cấp xã có thẩm quyền **“Chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến thực hiện các quyền của người sử dụng đất theo quy định của Luật Đất đai”** và theo quy định

của Khoản 6 Điều 5 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP thì “*Việc chứng thực các hợp đồng, giao dịch liên quan đến quyền của người sử dụng đất được thực hiện tại Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất. Việc chứng thực các hợp đồng, giao dịch liên quan đến nhà ở được thực hiện tại Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có nhà*”. Tuy nhiên, quyền sử dụng đất dùng để giao dịch tại hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 06/2019 có địa chỉ ở xã **Ba Thành**, nhưng UBND xã **Ba Động** vẫn thực hiện chứng thực đối với hợp đồng thế chấp này. Điều này là không phù hợp về thẩm quyền chứng thực hợp đồng giao dịch của UBND cấp xã theo quy định của Khoản 2 và Khoản 6 Điều 5 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP.

III. KẾT LUẬN, KIẾN NGHỊ BIỆN PHÁP XỬ LÝ:

1. Kết luận:

Những sai sót trong công tác đăng ký, quản lý hộ tịch và công tác chứng thực hợp đồng, giao dịch tại UBND xã Ba Động, trước hết là trách nhiệm của Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND xã phụ trách. Với cương vị là người có thẩm quyền ký các giấy tờ hộ tịch, hợp đồng, giao dịch và chịu trách nhiệm trước pháp luật trong việc thực thi các nhiệm vụ này. Do đó, trong quá trình chỉ đạo thực hiện, Lãnh đạo UBND xã Ba Động phải thường xuyên kiểm tra, nhắc nhở, đôn đốc nhằm thực hiện tốt hơn công tác quản lý nhà nước về hộ tịch, chứng thực hợp đồng, giao dịch tại địa phương.

Đối với công chức, bộ phận tham mưu cho Chủ tịch UBND xã trong công tác đăng ký, quản lý hộ tịch và công tác chứng thực các hợp đồng, giao dịch chưa chủ động, tích cực nghiên cứu các quy định pháp luật về lĩnh vực được phân công. Công chức tư pháp hộ tịch chưa thực hiện tốt việc kiểm tra hồ sơ ban đầu, quy trình, thủ tục thực hiện không đúng nên còn thiếu sót trong việc hướng dẫn, yêu cầu người dân bổ sung các loại giấy tờ có liên quan theo đúng quy định pháp luật.

2. Kiến nghị:

Căn cứ Luật Thanh tra năm 2010 và các văn bản có liên quan, trên cơ sở kết quả thanh tra, xét tính chất và mức độ các sai phạm; Giám đốc Sở Tư pháp kiến nghị một số nội dung sau:

1. Đối với UBND xã Ba Động:

1.1. Về công tác đăng ký, quản lý hộ tịch:

Để thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước về lĩnh vực đăng ký và quản lý hộ tịch ở địa phương, Lãnh đạo Phòng Tư pháp và công chức tư pháp hộ tịch nghiên cứu, nắm vững các quy định của Luật Hộ tịch năm 2014, Nghị định số 123/2015/NĐ-CP, Thông tư số 15/2015/TT-BTP và các văn bản khác có liên quan để giải quyết các yêu cầu của công dân được nhanh chóng, chính xác, đúng quy định của pháp luật.

1.2. Về công tác chứng thực:

- UBND xã cần ban hành văn bản quy định mức trần chi phí in, chụp, đánh máy giấy tờ, văn bản khi thực hiện chứng thực tại UBND xã để áp dụng trên địa

bàn xã theo quy định của Quyết định số 02/2016/QĐ-UBND của UBND tỉnh Quảng Ngãi;

- Thực hiện nghiêm các quy định của Nghị định số 23/2015/NĐ-CP và các văn liên quan về các vấn đề: hồ sơ chứng thực hợp đồng, giao dịch; việc ký vào từng trang của hợp đồng, giao dịch; cách tính số tờ số trang của văn bản chứng thực; ngày chứng thực bằng số và bằng chữ; mẫu lời chứng chứng thực hợp đồng, giao dịch... đặc biệt, là thẩm quyền chứng thực hợp đồng, giao dịch của UBND cấp xã. Ngoài ra, cần nghiên cứu đầy đủ các quy định của Bộ luật Dân sự 2015, Luật Đất đai 2013, Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan để đảm bảo việc giải quyết hồ sơ phân chia di sản thừa kế, chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến quyền sử dụng đất của cá nhân, hộ gia đình được chính xác.

2. Đối với Phòng Tư pháp huyện Ba Tơ

Đề nghị Phòng Tư pháp tăng cường kiểm tra, hướng dẫn, tổ chức tập huấn, bồi dưỡng, hỗ trợ về chuyên môn, nghiệp vụ cho công chức tư pháp hộ tịch cấp xã; có biện pháp, hình thức tuyên truyền rộng rãi, đạt hiệu quả hơn cho Nhân dân trên địa bàn huyện, nhằm nâng cao ý thức chấp hành các quy định pháp luật của người dân, góp phần nâng cao chất lượng công tác tư pháp địa phương.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN:

1. Giao Chánh Thanh tra Sở theo dõi việc thực hiện Kết luận thanh tra đối với UBND xã Ba Động, huyện Ba Tơ, báo cáo kết quả cho Giám đốc Sở.

2. UBND xã Ba Động, huyện Ba Tơ tỉnh Quảng Ngãi tổ chức niêm yết công khai Kết luận thanh tra tại trụ sở UBND xã 15 ngày liên tục theo quy định tại Điểm b Khoản 3 Điều 46 Nghị định số 86/2011/NĐ-CP ngày 22/9/2011 của Chính phủ. Trong thời hạn 30 ngày, kết quả thực hiện Kết luận thanh tra phải báo cáo về Sở Tư pháp (qua Thanh tra Sở) để theo dõi, kiểm tra, đôn đốc theo quy định tại Nghị định số 33/2015/NĐ-CP ngày 27/3/2015 của Chính phủ./.

Nơi nhận:

- GD, PGD Sở;
- Phòng Tư pháp huyện Ba Tơ;
- UBND xã Ba Động;
- P. Chánh Thanh tra Sở;
- Công TTĐT Sở;
- Lưu: VT, TTr(qb).

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Trung Tập